

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14- AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thanh Nguyên

2. Bà Cao Thị Phương Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thuý Duy là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- An Giang: Ông Châu Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 59 ngày 17/7/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Nhật T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ C, ấp V, xã V, tỉnh An Giang (xin xét xử vắng mặt); Số định danh 089079001083.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị K, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường C, tổ D, khóm A, xã B, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn 14/3/2025 và đơn sửa đổi đơn khởi kiện ly hôn ngày 21/5/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Nhật T trình bày:

Giữa ông T và bà K có thời gian quen biết tìm hiểu nhau trước có tổ chức lễ cưới năm 1994, đến năm 2021 tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2022 thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đôi bên đã ly thân

đến nay hơn 03 năm vẫn chưa về chung sống lại. Ông T không còn tình cảm kiên quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1998 và Nguyễn Chí K1, sinh năm 2002, các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang phát biểu quan điểm:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông T và bà K quen biết tự tìm hiểu tổ chức lễ cưới về chung sống có thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau, các bên đã ly thân từ năm 2022 đến nay chưa về chung sống lại. Ông T không còn tình cảm kiên quyết ly hôn, bà K vắng mặt không tạo điều kiện tiến hành hoà giải với ông T, xét mâu thuẫn đã trầm trọng do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1998 và Nguyễn Chí K1, sinh năm 2002, các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 14 tháng 03 năm 2025 và ngày 21 tháng 5 năm 2025 ông Nguyễn Nhật T có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị K, bà K cư trú tại tổ D, khóm A, xã B, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 17/7/2025 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2025 và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại

phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do, riêng nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa ông T, bà K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B vào năm 2021 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, ông T và bà K đã ly thân từ năm 2022 đến nay chưa về chung sống lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa ông T và bà K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, ông T yêu cầu ly hôn, bà K vắng mặt suốt quá trình tố tụng không tạo điều kiện để hoà giải hàn gắn tình cảm về chung sống lại với ông T và 02 bên đã có khoản thời gian ly thân từ năm 2022 đến nay chưa về chung sống lại. Do ông T không còn tình cảm nên không chủ động về chung sống với bà K, riêng bà K cô tình tránh né, không gặp mặt liên lạc với ông T tìm cách hàn gắn tình cảm mà lại bỏ mặc nhau tự sống, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều đó cho thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà K đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1998 và Nguyễn Chí K1, sinh năm 2002, các con đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Nhật T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Nhật T. Ông Nguyễn Nhật T được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 10/6/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn B (nay là xã B), tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Nhật T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020027 ngày 14-3-2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Ông Nguyễn Nhật T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Ba Chúc;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

